

CHÂN DUNG TINH THẦN LÝ BẠCH TRONG CẢM NGHĨ CỦA ĐỖ PHỦ VÀ NGUYỄN DU

HOÀNG TRỌNG QUYỀN*

TÓM TẮT

Đỗ Phủ và Nguyễn Du đã viết về Lý Bạch bằng tình cảm trân trọng, ngợi ca và cảm thông. Chân dung tinh thần Lý Bạch hiện hiện trong cảm nghĩ của Đỗ Phủ và Nguyễn Du với những nét đẹp tiêu biểu của bậc Thi Tiên, từ lối sống phóng khoáng, ngang tàng, coi thường vinh hoa; tính mê thích rượu cho đến tài thơ vô địch. Đồng thời, các thi phẩm của Tố Như và Thiều Lăng cũng thể hiện những nét khác nhau khi viết về Lý Bạch. Điều đó thể hiện ở góc tiếp cận, cái nhìn và triết luận về hình tượng khách thể thẩm mỹ. Sự giống và khác nhau đó bổ sung cho nhau để làm nên vẻ đẹp chân thực, toàn diện của chân dung tinh thần Lý Bạch.

Từ khóa: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Nguyễn Du, chân dung tinh thần, tư tưởng, cái nhìn nghệ thuật.

ABSTRACT

The spiritual portrait of Li Bai in Du Fu and Nguyen Du's eyes

Du Fu and Nguyen Du wrote about Li Bai with the sentiments of respect, praise and sympathy. The spiritual portrait of Li Bai appears most visibly in Du Fu and Nguyen Du's impressions and feelings with the typical beauty of the great poet, from the liberal and extraordinary proud lifestyle; the indifference of fame and glory; the addiction to alcohol to the unbeatable poetic talent. At the same time, when writing about Li Bai, To Nhu and Thieu Lang's poems show different points. This is revealed in the approaching angles, the insights and philosophy about images of aesthetic objects. The similarities and differences complement each other to create the truthful and all-sided beauty of the spiritual portrait of Li Bai.

Keywords: Li Bai, Du Fu, Nguyen Du, spiritual portrait, thought, artistic vision.

1. Trong thế giới nghệ thuật rộng lớn, đa dạng, phong phú và sâu sắc của Đỗ Phủ (712 – 770) và Nguyễn Du (1765 – 1820), bên cạnh sự hiện diện của nhiều vị hiền tài, chân dung tinh thần Thi tiên Lý Bạch (701 – 762) nổi bật với những phẩm tính độc đáo, từ tài thơ cho đến tính cách và bi kịch số phận. Cùng viết về Lý Bạch, nhưng Nguyễn Du và Đỗ Phủ lại sống cách nhau hơn mười thế kỉ ở hai

quốc gia khác nhau trong những đặc trưng văn hóa và hoàn cảnh lịch sử đặc thù. Dẫn rằng thơ Thiều Lăng luôn ở trong trái tim Tố Như sâu sắc và cảm phục đến độ “Mộng hồn dạ nhập Thiều Lăng thi” (Hồn mộng tôi đêm đêm nhập vào thơ Thiều Lăng – *Y nguyên vận kí Thanh Oai Ngô Tứ Nguyên*) [1, t.1, tr.254], và “Bình sinh bội phục vị thường li” (Suốt đời ta khâm phục không hề xa

* TS, Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: hoangquyen150863@yahoo.com

rời – *Lôi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ*) [1, t.1, tr.394], nhưng viết về Lý Bạch, bên cạnh những nét tương đồng với Đỗ Phủ ở tình cảm thương quý, trân trọng *Thi Tiên*, Nguyễn Du còn thể hiện những điểm khác biệt. Cái khác biệt giữa Nguyễn Du và Đỗ Phủ khi viết về Lý Bạch thể hiện ở góc tiếp cận, cái nhìn và triết luận về hình tượng khách thể thẩm mỹ.

2. Với Đỗ Phủ, mối quan hệ với Lý Bạch không phải “*dị đại tương liên*” như với Nguyễn Du, mà là *đồng đại tương liên*. Trong quãng thời gian hoa niên và tráng du ở độ tuổi ngoài hai mươi, Đỗ Phủ đã có sự gặp gỡ, kết giao với Lý Bạch. Tài thơ và nhân cách của cả hai người làm cho họ sớm trở nên thân thiết và quý mến nhau, dù Lý hơn Đỗ 11 tuổi. Tuy nhiên, sự gặp gỡ thân tình ấy không làm cho hai thi nhân đi trên một con đường thơ, mà về cơ bản, sau đó họ rẽ theo hai ngã khác nhau, tạo nên hai trường phái thơ lãng mạn và hiện thực với những sức hấp dẫn riêng. Còn Nguyễn Du lại sống cách Lý Bạch hơn mười thế kỉ, nhưng trên con đường đi sứ, ông đã dành tặng *Thi Tiên* một bức họa tuyệt tác khi qua đầm Đào Hoa, nơi mà tương truyền Lý Bạch đã từng uống rượu say tràn và đề thơ bắt hủ tặng bạn hiền Ưông Luân.

Trước hết, ở một cái nhìn tổng quan, ta thấy cả Nguyễn Du và Đỗ Phủ đều dành cho Lý Bạch những tình cảm tốt đẹp, ngợi ca con người và thơ của ông. Lý sống trong Đỗ sâu đậm bởi cả hai đều có tài thơ thiên phú, sống cùng thời, lại là bạn tâm giao một thuở. Nhưng nguyên do cơ bản nhất là cả hai đều có

tâm lòng nhân ái, thương yêu con người bất hạnh, bất bình với ngang trái, bất công nên Đỗ Phủ viết về Lý Bạch khá nhiều. Thống kê trong cuốn *Thơ Đỗ Phủ* (Nxb Văn học, Hà Nội, 1962) thì Đỗ Phủ có đến 6 bài thơ viết về Lý Bạch. Đó là các bài: *Tặng Lý Bạch* (2 bài, viết vào các năm 744 và 746), *Ngày xuân nhớ Lý Bạch*, *Mộng Lý Bạch*, *Cuối trời nhớ Lý Bạch*, và *Không gặp*.

Tặng Lý Bạch là bài đầu tiên trong số đó được viết vào năm 744, thời gian Đỗ Phủ sống cùng Lý Bạch. Đó là thời gian Lý Bạch chán chường cảnh kinh đô của bọn quyền quý ô trọc và tầm thường, tìm vào núi hái thuốc luyện đan và sống như một đạo sĩ giữa núi rừng, với thiên nhiên trong lành:

*Hai năm khách Đông Đô,
Đã chán tuồng điệu xảo...
Há không com tinh xanh,
Cho da tôi thẩm đỏ?...
Ông Lý bậc tài danh,
Thoát thân về núi ở* [4, tr.50].

Cái nhìn của Đỗ Phủ về Lý Bạch trong bài thơ này thể hiện đúng bản chất bi kịch của một vị *Trích tiên** mà phải sống giữa cảnh trần “Mạc mạc trần ai mẫn thái không” (Bụi trần mù mịt đầy trời – *Kí hữu*) [1, t.1, tr.93]. Đó là bi kịch của hai mặt trái ngược và đối lập: bản chất, tính cách phóng khoáng, tài danh hơn người của Lý Bạch tương khắc với sự ô trọc, tầm thường của chốn cung đình. Chắc hẳn Lý Bạch không muốn nhuộm đục mình trong bụi trần thế cuộc nên sau khi trải nghiệm cuộc sống cung đình và chỉ thấy ở đó sự tù túng, giả dối và vô vị, *Thi Tiên* chủ động *thoát thân*

tìm về cõi tiên nơi núi rừng trong sạch và khoáng đạt.

Sau thời gian hơn một năm cùng sống và ngao du vùng Lương Tống (vùng Khai Phong) “Cỏ dao hện cùng nhỏ” [4, tr.50], với mục đích tu tiên luyện đan cùng Lý Bạch, Đỗ Phủ đã cảm thấy dường như mình không còn phù hợp với cuộc sống đó, kiểu sống đó, và hơn thế, ông không đồng tình với lối sống đó của Lý Bạch. Do vậy, ở bài thơ *Tặng Lý Bạch* viết năm 746, trong bức chân dung tả thực lối sống phiêu bồng của Lý, Đỗ cũng đã thẳng thắn thể hiện thái độ bất đồng của mình:

Nhìn nhau, thu đến, hãy bênh bồng.

Chưa luyện đan sa thẹn Cát Hồng,

Chén tíu hát ngao cho hết buổi,

Vì ai hung hổ quá cuồng ngông? [4, tr.51].

Những bài thơ của Đỗ Phủ viết trước và đặc biệt là sau khi gặp Lý Bạch thể hiện rõ vì sao Đỗ không hợp với kiểu sống của Lý. Trước khi gặp Lý, Đỗ đã khá nổi danh. Những bài thơ thuộc giai đoạn đầu sáng tác của *Thi Thánh* còn lại cho đến nay như *Vọng Nhạc*, *Họa ung*, *Phòng binh Tào hồ mã* (trong khoảng 712–746, kết thúc đợt du lịch lần thứ 3) thể hiện một cái nhìn khoáng đạt, mạnh mẽ, trong sáng của một tâm hồn cường tráng với khát vọng lớn lao, cao rộng. Trong *Vọng Nhạc*, tư thế, cái nhìn của chủ thể trữ tình là từ trên nhìn xuống; kéo về, thu nhỏ lại cả sơn hà: “Lên chóp đỉnh mà trông,/ Lè tè muôn núi dưới” (*Vọng nhạc*) [4, tr.49]. Tư tưởng mạnh mẽ ấy thể hiện trong cả những đối tượng miêu tả. Đó là nhìn con ngựa dững mãnh mà

bộc lộ, gửi gắm ý chí mình: “Sống thác ta muốn gửi thân mảy,/ Ngang tàng chú ngựa có hay,/ Tung hoành vạn dặm giờ đây sá gì” (*Phòng binh Tào hồ mã*) [4, tr.36]. Hoặc là nhìn chim ưng kiêu dũng mà nói khát vọng của mình: “Khi nào đánh lũ chim hèn,/ Máu lông sẽ tưới khắp miền đồng hoang” (*Họa ung*) [4, tr.36].

Trong giai đoạn đầu làm thơ và du lịch này, phong cảnh sông núi hùng vĩ như góp phần bồi dưỡng thêm cái khí chất mạnh mẽ cho thơ Đỗ Phủ. Điều đó thể hiện trong cảm hứng lãng mạn, khoáng đạt và ít nhiều có dáng dấp cái nhìn thiên nhiên của *Thi Tiên* Lý Bạch. Thế nhưng, khát vọng nhập thế của Đỗ Phủ ngay từ buổi đầu làm thơ cũng đã được thể hiện rất rõ. Đó là điểm khác biệt cơ bản giữa Đỗ và Lý, mà trong những sáng tác của Đỗ sau khi gặp Lý cho đến cuối đời càng thể hiện rõ. Việc Đỗ Phủ gặp Lý Bạch (744), kết giao với Lý Bạch trong khoảng hai năm (chia tay Lý Bạch năm 746) để lại cho đời những giai thoại đẹp. Nhưng với Đỗ Phủ, có thể coi đó cũng là một “phép thử” cả về trách nhiệm cuộc đời cũng như con đường thơ của ông. Cuộc chia tay Lý để lại cho Đỗ niềm thương nhớ, kính phục Lý sâu sắc, nhưng đó cũng chính là cuộc “chia tay” tạo nên một ngã rẽ mới, một con đường và phong cách thơ mới trong văn học thời Đường và Trung Quốc.

Sáng tác của Đỗ Phủ về sau cho đến hết cuộc đời của *Thi Thánh* càng cho thấy rõ vì sao Đỗ không hợp với kiểu sống và mục đích sống của Lý. Đỗ Phủ được tạo hóa sinh thành là để sống cho người khác, vì người khác nên trong cuộc kết

giao, du lịch và làm thơ với Lí Bạch, ông đã sớm *chán tuồng điêu xảo* với những *com tinh xanh* của phép luyện đan, để đơn độc và dững cảm đi trên con đường đời “Đường ta là chịu cuộc đời khó khăn” (*Không nang*) [4, tr.156] của chính mình và tạo dựng nên một nền thơ hiện thực mới đầy chất nhân đạo. Từ đây, Đỗ Phủ bắt đầu cuộc sống khó khăn chật vật áo cơm trong cảnh “Ông già Đỗ Lăng xương muốn rứt” (*Đầu gián Hàm, Hoa lưỡng huyện chur tử*) [4, tr.56] suốt mười ba năm cưỡi lừa tìm cái ăn, cái mặc ở chốn kinh thành: “Sớm đến cửa giàu gõ,/ Chiều theo bụi ngựa lần,/ Rượu thừa cùng chả nguội,/ Đền đâu cũng tủi thâm” (*Phụng tặng Vi tả thừa trượng nhị thập vận*) [4, tr.54]. Ông chịu đói rét, nhục nhã để hướng đến một khát vọng cao cả: nhập cuộc. Bằng mọi giá, ông phải nhập cuộc thì mới thực hiện được khát vọng giúp vua “Dựng lại phong tục thuần” (*Phụng tặng Vi tả thừa trượng nhị thập vận*) [4, tr.53], bởi lẽ sống của ông là “Quanh năm lo vì dân” (*Tự kinh phó Phụng Tiên vịnh hoài ngũ bách tự*) [4, tr.79]. Vậy nên, ông mới “làm phú dâng vua”, làm thơ “phụng tặng quan Tả thừa họ Vi” để tự giới thiệu về mình, về cái tài và khát vọng cao cả cũng như khả năng có thể biến nó thành hiện thực của mình. Thế nhưng cuộc đời đóng cửa ước muốn nhập thế của ông: hai lần thi hỏng (do bọn quan lại âm mưu hãm hại người tài), và sau đó là những chức quan mà với chúng, ông khó lòng có thể cứu đời và làm lợi cho dân được nên ông phải chối từ hoặc miễn cưỡng chấp nhận rồi cũng phải từ. Nỗi khổ đời thường trong phần đời còn

lại của ông hầu như chẳng thua gì “dân đen” (lê nguyên). Thật ra, đó là cái may mắn của nhân loại để đến hôm nay, có một Đỗ Phủ như đang sống cùng chúng ta, giữa chúng ta đây với những tư tưởng cũng vẫn còn mới mẻ dù đã hơn mười ba thế kỉ. Đúng như Nguyễn Du đã nói rằng, nếu khát vọng của Khuất Nguyên được thực hiện thì sẽ không có “Li Tao” bắt từ: “Trực giao hiến lệnh hành thiên hạ,/ Hà hữu Li Tao kế Quốc Phong?” (Vị như hiến lệnh được ban hành trong thiên hạ, thì làm gì có được Li Tao nối tiếp Quốc Phong? - *Tương Đàm điệu Tam Lu đại phu*) [1, tr.378].

Như vậy, nếu so sánh bài *Tặng Lý Bạch* (được viết năm 746) với bài *Tặng Lý Bạch* (được viết năm 744) thì sẽ thấy một cái nhìn khác, một thái độ khác của Đỗ về Lý, và cũng bao hàm một ý thức sống khác của chính Đỗ. Ở bài trước, ngoài việc ca ngợi Lý, còn là sự đồng tình với thái độ của Lý và cùng hòa nhịp với Lý trong những tháng ngày “Lương Tổng cũng về chơi,/ Cỏ dao hện cùng nhỏ”. Nhưng ở bài sau, Đỗ không đồng tình với cái ý thức tự cao thái quá về bản thân, hay cái tôi quá lớn ở Lý và lối sống *Chén tí hát ngao*, tính cách thì đã bước lại ngông của Lý. Cũng rất có thể đó là một trong những lí do để hai người chia tay. Như hai thái cực không thể cùng nhau nhưng luôn hấp dẫn nhau, lòng thương quý, trân trọng nhau của Đỗ và Lý cũng vậy, mãi còn. Bởi thế, khi xa rồi (sau khi chia tay Lý, Đỗ về Trường An và Lý đi về Giang Đông), Lý viết tặng Đỗ với lòng nhớ nhung tha thiết:

Nhớ bạn như sông Ván

Về Nam cuộn cuộn bay...

(Sa Châu thành hạ, kí Đỗ Phủ) [2, tr.385]

Với Đỗ cũng vậy, nhớ thương Lý, Đỗ viết *Ngày xuân nhớ Lý Bạch* với sự ngợi ca Lý từ góc nhìn về tài năng thơ tuyệt đỉnh, đồng thời thể hiện ước mong gặp lại để cùng chung bình rượu và luận bàn văn chương:

*Lý Bạch thơ ai sánh,
Lâng lâng tứ tuyệt tràn.
Thanh hơn Dữu khai phủ,
Cao chấp Bão tham quân.
Mây đất Giang Đông tới,
Cây trời Vị Bắc xuân.
Bao giờ một nậm rượu,
Lại cùng luận thơ văn?* [4, tr.52].

Hình tượng Lý Bạch trong bài thơ này hiện lên lồng lộng trong cái nhìn nghệ thuật của Đỗ Phủ. Cái nhìn đó thể hiện ở các điểm nhìn làm nổi bật tính đặc trưng – chất tiên – của thơ Lý Bạch. Cái nhìn khẳng định ngay từ câu đầu vị thế vô địch của thơ Lý, ba câu tiếp theo là các điểm nhìn cụ thể: về tứ thì phóng khoáng, ngang tàng, phi thường khác hẳn mọi người (phiêu nhiên tứ bất quần), sự sáng tạo và mỹ cảm thì tươi mới (thanh tân) và tầm vóc, chiều kích tư tưởng thì rất cao và rộng (tuấn đạt). Đó là một bình giá thơ ngắn gọn bằng hình ảnh nhưng rất đúng với thơ Lý Bạch. Những tố chất ấy làm nên bản sắc tiên trong *Thi Tiên*. Không như ở các bài trước, Lý hiển hiện cùng bi kịch và cá tính ngông ngạo khác người mà ở bài này, Lý đẹp rạng ngời trong ánh sáng *Thi Tiên* của mình.

Đỗ nhớ thương Lý không phải với cảm xúc bình thường, mà bằng những

cung bậc sâu sắc, thiết tha. Thế nên Lý nhập vào mộng của Đỗ, không phải chỉ một lần mà nhiều lần. Giác mộng của Đỗ về Lý trong *Mộng Lý Bạch* (được viết vào khoảng năm 759, khi hay tin Lý Bạch vì tham gia cuộc kháng chiến của Vĩnh Vương, Lý Lâm nên năm 758 bị đày ở Dạ Lang - nay thuộc tỉnh Quý Châu) là một giấc mộng đầy bi thương, xót xa:

*Anh nhập vào mộng tôi,
Rõ tôi nhớ anh mãi.
Nay bạn bị giam cầm,
Cánh đâu mà vượt khỏi?* [4, tr.147].

Trong cuộc hội ngộ đặc biệt “Ba đêm hằng mộng anh” ấy, Đỗ dõi theo hồn Lý mọi nơi: “Hồn đến rừng phong xanh,/ Hồn về quan ải tối”; Đỗ lo cho Lý, dặn dò: “Nước sâu sóng gió to,/ Chớ để thường luồng hại” [4, tr.147]. Hồn Lý tìm đến Đỗ cũng vì nhớ thương hiền đệ, nên khi rời đi, Lý còn dặn Đỗ:

*Ôi! Đến nhau khó thật!
Sông hồ sóng gió nhiều,
Thuyền bè e đắm mất* [4, tr.148].

Về mặt cấu trúc thẩm mỹ, cũng như những bài trước tặng Lý, trong bài thơ này, ngoài tình cảm quý mến, trân trọng, thương cảm dành cho Lý, Đỗ còn nêu bật tính bi kịch trong số phận cuộc đời Lý:

*Mũ lọng đầy Kinh hoa,
Một người này xơ xác.
Lông lộng lưới trời giăng,
Gần già lụy chẳng thoát.
Ngàn thu tiếng đẽ đời,
Ích gì sau lúc thác* [4, tr.148].

Trong cái nhìn của Đỗ về Lý ở ý thơ này không chỉ có sự đối lập bi phẫn giữa Lý Bạch, “Một người này xơ xác”, với chốn kinh thành “Mũ lọng đầy Kinh

hoa” giàu sang, quyền quý, phồn hoa, mà ở cái bi kịch của hiền tài mà Đỗ Phủ thường day dứt rằng: “Ngàn thu tiếng đê đời,/ Ích gì sau lúc thác?”. Sự xót thương mà Đỗ dành cho Lý này về sau lại được chính Tố Như khóc thương Đỗ Thiệu Lăng: “Rõ ràng văn, ích gì chẳng?/ Đàn con khóc đói lòng dần được đâu?/ Thầy thơ vạn thuở ai câu,/ Lê loi nắm mộ dãi dầu tha hương” [1, t.1, tr.394].

Cũng trong năm 759, khi ở đất Tân Chân biên tái, với nỗi xót thương, âu lo và cảm thông cho Lý Bạch, Đỗ Phủ viết bài *Cuối trời nhớ Lý Bạch* [4, tr.153]. Vẫn với cái nhìn nghệ thuật là đặt số phận Lý Bạch trên nền không gian mệnh mỏng rợn ngợp và hãi hùng của “Nước thu lênh láng hồ sông dâng đầy”, thêm một lần nữa, từ số phận của Lý Bạch, Đỗ Phủ khẳng định bi kịch chung của nhân văn: “Văn chương ghét bỏ vận may” (văn chương tăng mệnh đạt). Đỗ phủ nhìn thấy cõi người ghê sợ khi “Quý yêu mừng thấy người ngay mắc vòng”. Quý ở đây là nhưng kẻ “Mũ lọng đầy Kinh hoa”, là thế lực của cái xấu, cái ác truy đuổi, bức hại, tìm diệt con người nhân văn, là cái thế lực cùng những con người mà sau này Nguyễn Du khái quát rằng “Không lộ vuốt nanh cùng nọc độc,/ Mà nhai xé thịt người ngọt xót như đường” trên mặt đất “Cõi người đầy khắp quỷ ma chờ”. Trong câu kết của bài thơ *Cuối trời nhớ Lý Bạch*, Đỗ Phủ còn hàm ý minh oan cho hành vi tham gia khởi nghĩa của Lý Bạch là vì yêu nước, cũng giống như nỗi oan của Khuất Nguyên xưa:

*Hồn oan ước được chuyển cùng,
Làm thơ bi phần gửi dòng Mịch La*

[4, tr.153].

Bài thơ cuối cùng Đỗ viết về Lý vào năm 761 là bài *Không gặp (Bất kiến. Đỗ bên vực Lý trong cái nhìn khác người đời, ngợi ca Lý ở cả phong cách sống lẫn tài thơ*:

*Lâu lắm không gặp Lý,
Giả cuồng tội nghiệp thay!
Người đời đều muốn giết,
Ta ý vẫn thương tài.
Phiêu linh rượu một chén,
Mẫn tiếp thơ nghìn bài...)* [4, 183].

Như vậy, viết về Lý Bạch, Đỗ Phủ đã không chỉ ngợi ca, từ tài thơ diệu kì, vô địch cho đến nhân cách cao đẹp thoát tục của Lý, mà bên cạnh lòng thương nhớ bạn sâu sắc và thiết tha, sự cảm thông chân thành và hết mực, còn là sự khẳng định bi kịch của *Thi tiên* nằm trong bi kịch của cái đẹp hiền tài, sự phê phán xã hội và nỗi đau nhân thế. Đồng thời, Đỗ Phủ cũng thể hiện cái riêng của mình khác với Lý Bạch trong quan niệm sống và hành xử. Thực tế đã chứng minh điều đó khi con đường thơ hiện thực mà Đỗ tạo nên về cơ bản khác với thơ lãng mạn của Lý.

3. Hơn mười thế kỉ sau, Nguyễn Du cũng dành tặng Lý Bạch một thi phẩm tuyệt bút *Đào Hoa đàm Lý Thanh Liên cựu tích* [1, t.1, tr.555]. Trước hết, để tạo nên không khí thâm mĩ của bài thơ phù hợp với khách thể phản ánh, Nguyễn Du đặt Lý Bạch trong khung cảnh và không gian thiên nhiên tiên cảnh – cái không gian mà *Thi tiên* đã đề đòi và trở nên bất tử trong những thi phẩm và hình tượng bất hủ. Thêm nữa, cái không gian địa lí đàm Đào Hoa mà Nguyễn Du lấy làm

không gian viết về Lý Bạch đã trở thành không gian văn hóa vì đó là nơi Lý Bạch từng đề thơ và uống rượu say tràn:

Đào Hoa nghìn thước đầm trong suốt,

Đông tới, trên đầm bách vãn xanh.

Nghe bởi đời Đường, Lý Cung phụng,

Say tràn đây, khiến đầm nổi danh.

Đời người chực năm gửi quán rượu,

Nhà vua gọi đến vẫn say kên.

Tự bảo là tiên trong đám rượu,

Coi như giày rách món hư vinh.

Nhờ người cảnh đẹp lưu truyền mãi...

Các điểm nhìn và tạo dựng không gian nghệ thuật như thế trong bút pháp Nguyễn Du vừa phản ánh đúng đặc trưng thẩm mỹ của đối tượng, vừa làm tôn thêm vẻ đẹp của khách thể thẩm mỹ. Cái cách Nguyễn Du tiếp cận, thể hiện và bộc lộ cảm xúc về Lý Bạch vừa có điểm giống vừa có điểm khác với Đỗ Phủ từng thể hiện trong những bài thơ Đỗ viết về Lý mà chúng tôi đã dẫn ở trên. Về điểm giống nhau, đó là cũng như Đỗ Phủ, Nguyễn Du bộc lộ lòng quý mến, ca ngợi Lý Bạch. Trong cái nhìn nghệ thuật, Nguyễn Du chọn ba điểm nhìn liên kế về Lý Thanh Liên, đủ để nêu bật lên những đặc trưng tiêu biểu nhất trong tính cách, hành xử và giá trị thơ của *Thi Tiên*. Đó là: thú say mê rượu, coi khinh vinh hoa và tài thơ làm cho cảnh đẹp mãi lưu truyền. Về điểm khác nhau là, Đỗ Phủ thường nhìn Lý Bạch trong cái bi kịch xung đột giữa Lý Bạch với những tạp trần bụi thế, còn Nguyễn lại nhìn Lý từ

hào quang trong thiên nhiên mà Lý để lại. Nhờ vậy mà đầm Đào Hoa trở thành cảnh tiên với nước sâu “Nghìn thước trong suốt, từng bách bên đầm dù giữa mùa đông vẫn xanh”, và đặc biệt là “Con chim con cá thấy thành tiên”. Cái tinh tế của Nguyễn khi viết về Lý còn thể hiện ở chỗ, ngay trong câu thơ đầu, ông dẫn ý câu thơ của Thi Tiên trong bài thơ viết tặng Uông Luân: “Đào Hoa đầm thủy thâm thiên xích,/ Bất cập Uông Luân tổng ngã tình” (Đào Hoa đầm nước sâu nghìn thước,/ Chẳng sánh tình Uông Luân lúc tiễn ta – *Tặng Uông Luân*) [2, tr.371]. Những điều đó tạo nên tính đa tầng bậc của ý thơ và trường liên tưởng nhiều chiều về Lý Bạch: lấy cảnh thiên nhiên - vốn dĩ là đặc trưng nổi bật trong thơ Lý Bạch - mà là thiên nhiên đã thành giai thoại viết về Lý Bạch, và dẫn ý câu thơ bất hủ của Lý Bạch, mà câu thơ đó là một sáng tạo nghệ thuật đề cao giá trị tình cảm sâu nặng trong tình bạn của Lý Bạch với bạn hữu, đã góp phần tạo nên các nét đẹp trong chân dung tinh thần Lý Bạch.

Trong cấu trúc thẩm mỹ, ở giữa bài thơ, Nguyễn Du rút ra một triết luận văn hóa về giá trị con người trong mối quan hệ với tự nhiên: “Nhờ người cảnh đẹp lưu truyền mãi”. Quan niệm nghệ thuật này được thể hiện khá rõ trong những sáng tác khác của Nguyễn Du. Chẳng hạn, trong bài *Ngắm cảnh chiều Hán Dương*, ông cũng khẳng định: “Thi thành thảo thụ giai thiên cổ” (Thơ làm xong, cỏ cây cũng cùng thơ được truyền đến ngàn năm) [1, t.1, tr.405].

Phần kết của bài thơ có nhiều lớp

nghĩa. Thứ nhất, Nguyễn Du bộc lộ tình cảm buồn thương vì không thể thấy lại được Lý Bạch, một tình cảm chân thành và xúc động giống như tình cảm Đỗ Phủ từng dành cho Lý Bạch khi ông nhớ Lý Bạch, thương Lý Bạch, mộng Lý Bạch. Thứ hai, trong hai câu cuối bài, Nguyễn Du trở lại với đời thực và nói lên ước muốn thoát tục của mình như một sự đồng vọng tương liên với Lý Bạch:

*Xót nỗi người xưa không được thấy,
Ta từ xa đến buồn miên man.*

Đường đời bụi bặm bao như đục,

*Thà say suốt buổi, thiên tính giữ
cho toàn.*

Nguyễn Du gặp Lý Bạch ở điểm này, nghĩa là Nguyễn đọc Lý, thấu hiểu tận cùng cái thực xót xa đằng sau cái hình thức say, ngông, khinh mạn vinh hoa của Lý chính là bởi không thể dung hòa được với cái tục, muốn thoát tục để giữ thiên lương, giữ lấy cái giá cao đẹp của con người. Trong thơ Tố Như, cái khát vọng đẹp đẽ đó cũng thường được thể hiện trong những hình ảnh lặp đi lặp lại ở nhiều bài thơ. Tố Như thường “bế môn” (đóng cửa) để giữ mình: “Bất dung trần cấu tạp thanh hư” (Không cho bụi bặm lẫn vào hồn trong trẻo - *Ngọa bệnh*) [1, t.1, tr.134]; “Tứ thời tâm kính tự như như” (Bốn mùa tâm lòng như gương vẫn tự nhiên như thái như không - *Tạp thi*) [1, t.1, tr.131]; “Thả hỉ tu mi bất nhiễm trần” (Hãy mừng là mày râu không nhuốm bụi - *Dạ hành*) [1, t.1, tr.139]... Ông đã từng ước mong được thoát trần, thoát tục: “Hà năng lạc phát quy lâm khứ,/ Ngọa thính tùng phong hưởng bán vân” (Ước sao có thể xuống tóc vào rừng,/ Nằm nghe tiếng

thông reo lưng chùng mây - *Than thân*) [1, t.1, tr.33].

Chính vì bụi trần mà Lý say, và cũng chính vì bụi, như Lý Bạch xưa, Nguyễn Du đã từng “Hữu tửu thả tu khuynh” (Có rượu cứ dốc bầu - *Hành lạc từ*) [1, t.1, tr.108]. Lý ghét bỏ và khinh thị vinh hoa ô trọc để tìm về núi luyện đan cầu tiên, còn Nguyễn cũng đã gần như cả đời gồng mình tránh bụi để giữ mình vì “bụi đầy cả trời”: “Mạc mạc trần ai mẫn thái không” (Bụi trần mù mịt đầy trời - *Kí hữu*) [1, t.1, tr.93]. Trong thực tế, Nguyễn Du cũng từng tự hào về lòng thanh trong “Trạm trạm nhất phiến tâm” (Một tấm lòng thanh trong - *Đạo ý*) [1, t.1, tr.105] của mình (một tấm lòng thanh trong). Thế nhưng, vì nhiều lí do, Nguyễn Du phải nhận làm quan cho triều Nguyễn. Từ đó, khi chấp nhận việc nhập cuộc này, ông biết “Thái phác bất toàn chân diện mục” (Viên ngọc chất phác đã không còn khuôn mặt thật của nó - *Kí hữu*) [1, t.1, tr.152]. Một khi đã như thế, Nguyễn Du cảm thấy thật xót xa cho mình: “Khả liên bạch phát cung khu dịch” (Khá thương mình đầu bạc rồi vẫn phải chịu để người sai khiến - *Vọng Thiên Thai tự*) [1, t.1, tr.240], bởi ông biết đó là cảnh: “Thử thân dĩ tác phàn lung vật” (Thân này đã làm chim trong lồng - *Tân thu ngẫu hứng*) [42, t.1, tr.221]. Từ đó ông muốn từ quan: “Ngã dục quải quan tòng thử hệ” (Ta cũng muốn treo mũ áo quan mà ra đi - *Tặng nhân*) [1, t.1, tr.225], và càng xa xót hơn khi làm quan chỉ vì sinh kế: “Đại canh hữu thiệt sinh thường túc” (Thay cái cày bằng lưỡi, sinh kế thường đủ - *Y nguyên vận kí Thanh Oai Ngô Tú*

Nguyên) [1, t.1, tr.254].

4. Tóm lại, qua các thi phẩm của mình, Đỗ Phủ và Nguyễn Du bộc lộ tình cảm thương quý, trân trọng Lý Bạch, đồng thời tạo nên chân dung tinh thần Thi Tiên Lý Bạch sống động, chân thực cả về phong cách sống phi phàm lẫn tài thơ tuyệt đích. Đỗ viết về Lý vừa từ những nét chung thống nhất trong tính cách, tài thơ của Lý vừa từ những cảnh đời thực bi kịch của Lý mà Đỗ luôn dõi theo trong lịch sử, xã hội đời nhà Đường

đầy biến động tang thương, để cảm thông, bênh vực. Còn Nguyễn nhìn Lý trong mối quan hệ tạo tác giá trị của *Thi Tiên* với thiên nhiên, mang lại những cái đẹp bất tử cho cỏ cây cùng vạn vật, đồng thời là một cách tiếp cận để làm rõ bản chất mang tính xã hội ngay cả ở những hành trạng khác người của Lý. Cái nhìn mới, cách cảm mới đó bổ sung cho cái nhìn của Đỗ về Lý, và cùng Đỗ làm hoàn thiện những vẻ đẹp của Lý, góp phần tạo nên sự bất tử của Thi Tiên Lý Bạch.

[†] Lý Bạch tự xưng mình là *Trích Tiên* (vị tiên bị đày xuống trần gian).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Quốc Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc, Lê Thu Yến (1996), *Nguyễn Du toàn tập*, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
2. Lê Nguyên Lưu (1997), *Đường thi tuyển dịch*, Nxb Thuận Hóa.
3. Phan Ngọc (2001), *Đỗ Phủ – Nhà thơ thánh với hơn 1000 bài thơ*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
4. Hoàng Trung Thông (giới thiệu) (1962), *Thơ Đỗ Phủ*, Nxb Văn học, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-11-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-4-2015;
ngày chấp nhận đăng: 14-4-2015)